

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HS-ST

Ngày: 20-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm.

Trong ngày 20-12-2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HSST, ngày 28 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trịnh Quang H; Tên gọi khác: H; Sinh ngày: 20-01-1995, tại huyện G, tỉnh Gia Lai; NĐKKHTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trịnh Quang T và bà Lê Thị H1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 30-8-2013 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 31-3-2015 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 30-3-2016 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G; Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Bùi Văn Đ; Sinh năm: 1996; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Đ1; Sinh năm: 1995; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Đỗ Đình P; Sinh năm: 1987; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Quang H, Nguyễn Văn Đ và Bùi Văn Đ1 là bạn cùng chơi với nhau. Vào khoảng 07 giờ 00 ngày 18-8-2017 H và Đ1 rủ nhau đi chơi nhưng không có xe nên H đã mượn của Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wazelet, biển kiểm soát 93T1-3117 để đi chơi,

Đ nói H đi rồi trưa mang xe về trả cho Đ. Sau đó, H và Đ1 sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi lại và không trả xe cho Đ. Đến ngày 20-8-2017, do không có tiền để mua ma túy sử dụng nên H và Đ1 mang xe mô tô mượn của Đ đi cầm cố cho anh Đỗ Đình P lấy số tiền 1.000.000 đồng, số tiền trên H và Đ1 đã cùng nhau mua ma túy và cùng sử dụng hết. Đ nhiều lần tìm H để đòi trả xe nhưng H vẫn không trả nên Đ đã trình báo cơ quan Công an.

Tại Kết luận số 53/KL-TS ngày 05-9-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G xác định giá trị còn lại thực tế của chiếc xe mô tô hiệu Wazelet, biển kiểm soát 93T1-3117, số máy 93T1-3117H07, số khung LX666600523, màu nâu, xe đã qua sử dụng là 2.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 46/CTr-VKS ngày 27-11-2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Trịnh Quang H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Quang H từ 12 - 14 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Đình P không yêu cầu Trịnh Quang H, Nguyễn Văn Đ1 trả lại số tiền cầm cố xe mô tô là 1.000.000 đồng, anh Bùi Văn Đ cũng đã nhận lại xe và không yêu cầu Trịnh Quang H, Nguyễn Văn Đ1 bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tạm giữ của Đỗ Đình P 01 xe mô tô hiệu Wazelet, biển kiểm soát 93T1-3117, số máy 93T1-3117H07, số khung LX666600523, màu nâu, xe đã qua sử dụng và trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Văn Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu tiền do phạm tội mà có là 1.000.000 đồng, buộc bị cáo Trịnh Quang H phải nộp 500.000 đồng và buộc Nguyễn Văn Đ1 phải nộp 500.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Quang H công nhận ngày 18-8-2017 Trịnh Quang H và Nguyễn Văn Đ1 đã mượn của anh Bùi Văn Đ 01 chiếc xe mô tô hiệu Wazelet, biển kiểm soát 93T1-3117 để đi chơi. Đến ngày 20-8-2017, do không có tiền sử dụng ma túy nên H và Đ1 đã mang cầm cố chiếc xe nói trên lấy tiền tiêu xài dẫn đến việc không thể trả lại xe cho anh Đ như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Mặc dù chiếc xe mô tô chỉ có giá trị là 2.500.000 đồng nhưng bị cáo H là người đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Trịnh Quang H đã phạm vào tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đối với Nguyễn Văn Đ1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt, chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, giá trị của tài sản chiếm đoạt là 2.500.000 đồng nên hành vi vi phạm pháp luật của Nguyễn Văn Đ1 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G chuyển xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Đ1 là đúng. Đối với Đỗ Đình P, khi nhận cầm cố xe mô tô của Đ1 và H thì P không biết xe mô tô trên do H phạm tội mà có, do đó hành vi của P không cấu thành tội phạm. Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho H và Đ1 Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được, số ma túy và H và Đ1 mua thì H và Đ1 đã cùng nhau sử dụng hết, không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý về hành vi này.

[4] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, liên tiếp có hành vi vi phạm pháp luật, đã bị kết án về hành vi “Trộm cắp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội mới. Điều đó cho thấy bị cáo là người không có ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, cần xử phạt tù tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét bị cáo sau khi phạm tội cũng đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Đình P không yêu cầu Trịnh Quang H, Nguyễn Văn Đ1 trả lại số tiền cầm cố xe mô tô là 1.000.000 đồng, anh Bùi Văn Đ cũng đã nhận lại xe và không yêu cầu Trịnh Quang H, Nguyễn Văn Đ1 bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tạm giữ của Đỗ Đình Phong 01 xe mô tô hiệu Wazelet, biển kiểm soát 93T1-3117, số máy 93T1-3117H07, số khung LX666600523, màu nâu, xe đã qua sử dụng và trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Văn Đ. Đối với số tiền 1.000.000 đồng do cầm cố chiếc xe mà có, anh P không yêu cầu được nhận lại, đây là tiền do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trịnh Quang H phải nộp 500.000 đồng và buộc Nguyễn Văn Đ1 phải nộp 500.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Quang H phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Quang H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05-9-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Trịnh Quang H để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Truy thu của bị cáo Trịnh Quang Hi và truy thu của Nguyễn Văn Đ1 tiền do phạm tội mà có mỗi người 500.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc bị cáo Trịnh Quang H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-12-2017). Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích thủ tục, phạm vi kháng cáo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Công an huyện Ia Grai ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND thị trấn K;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính